

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 12/2025/CBSP/MINHĐẠT

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ Phần Khuôn Chính Xác Minh Đạt

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0272 3870 873

Fax: 0272 3870 696

E-mail: info@midamold.com

Website: www.midamold.com

Mã số doanh nghiệp: 1100673882

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **DỤNG CỤ XAY TIÊU**

2. Thành phần cấu tạo, vật liệu tiếp xúc thực phẩm:

- Thân hũ: Nhựa PET.

- Nắp xay: Nhựa PS, ABS, POM, Cối nghiền Ceramic, Lò xo Inox 304.

- Bản tự công bố này áp dụng cho các sản phẩm cùng vật liệu, cùng điều kiện sử dụng, gồm các model : PG1-UAD45, PG2-UAD45, PG3-UAD45, PG1-UAD38, PG2-UAD38, PG3-UAD38.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng - Quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa (được sửa đổi bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bán lẻ: Đóng gói 1 set trong 1 hộp giấy.

- Bán sỉ: Đóng 10 set vào 1 bao PE, sau đó bỏ 10 bao PE vào thùng carton, dán tem decal lên thùng carton. Hoặc đóng gói theo yêu cầu khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

(a) Tên công ty: Công ty Cổ Phần Khuôn Chính Xác Minh Đạt

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

(b) Tên công ty: Công ty Cổ Phần Sản Xuất Nhựa Duy Tân

Địa chỉ: 298 Hồ Học Lãm, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa.

Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 9/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số

điều. Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

1. Công ty sản xuất, kinh doanh bao bì, dụng cụ tiếp xúc thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- **QCVN 12-1:2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- **QCVN 12-3:2011/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- **QCVN 12-4:2015/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Xem phụ lục đính kèm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**ĐỖ SỸ TOÀN**

## PHỤ LỤC: YÊU CẦU KỸ THUẬT

### 1. MÔ TẢ SẢN PHẨM: DỤNG CỤ XAY TIÊU (Hình đại diện)

#### - THÂN HŨ:



#### - NẮP XAY:



## HÌNH ẢNH TỔNG THỂ SẢN PHẨM



**2. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN:**

- **QCVN 12-1:2011/BYT**- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa.

**Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa**

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	60°C trong 30 phút [7]	Acid acetic 4%	1 µg/ml
		Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng <sup>[1]</sup>		Nước	10 µg/ml
Cadmi	100 µg/g				

**Yêu cầu đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Polystyren (PS)**

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Tổng số chất bay hơi(styren, toluen, ethybenzen, n-propyl benzen)	5mg/g	Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan <sup>[3]</sup>	240 µg/ml
Polystyren trương nở(khi dùng nước sôi)	2mg/g		60°C trong 30 phút	Ethanol 20% <sup>[4]</sup>	30 µg/ml
Styren và Ethybenzen	1mg/g		60°C trong 30 phút <sup>[7]</sup>	Nước <sup>[5]</sup> Acid acetic 4% <sup>[6]</sup>	

**Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa Polyoxymethylene (POM)**

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Phenol	60°C trong 30 phút	Nước	Âm tính
Formaldehyd			Âm tính
Cặn khô		Acid acetic 4%	30 µg/ml

**Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Polyethylen terephthalat (PET)**

<b>Thử thôi nhiễm</b>			
<b>Chỉ tiêu kiểm tra</b>	<b>Điều kiện ngâm thôi</b>	<b>Dung dịch ngâm thôi</b>	<b>Giới hạn tối đa</b>
Antimony	60°C trong 30 phút <sup>[7]</sup>	Acid acetic 4%	0,05 µg/ml
Germani			0,1 µg/ml
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan <sup>[3]</sup>	30 µg/ml
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20% <sup>[4]</sup>	
	60°C trong 30 phút <sup>[7]</sup>	Nước <sup>[5]</sup>	
		Acid acetic 4% <sup>[6]</sup>	

**Yêu cầu chung đối với bao bì, dụng cụ nhựa Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS)**

<b>Thử vật liệu</b>		<b>Thử thôi nhiễm</b>			
<b>Chỉ tiêu kiểm tra</b>	<b>Giới hạn tối đa</b>	<b>Chỉ tiêu kiểm tra</b>	<b>Điều kiện ngâm thôi</b>	<b>Dung dịch ngâm thôi</b>	<b>Giới hạn tối đa</b>
Tổng số chất bay hơi	5 mg/g	Cặn khô	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
Monomer dư (Acrylonitrile, Styrene, Butadiene)	1 mg/g		60°C trong 30 phút	Nước	30 µg/ml

- **QCVN 12-4:2015/BYT**- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng Ceramic.

**Yêu cầu kỹ thuật đối với bao bì, dụng cụ làm bằng gốm, gốm thủy tinh**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu kiểm tra</b>	<b>Mức tối đa</b>
1	<b>Lòng nông phẳng</b>	
	<i>Dùng để chứa đựng và đun, nấu</i>	
	Cadmi (mg/dm <sup>2</sup> )	0,07
	Chì (mg/dm <sup>2</sup> )	0,8
2	<b>Lòng sâu</b>	
2.1	<i>Dùng để chứa đựng</i>	
2.1.1	<i>Dung tích nhỏ hơn 1.100 ml</i>	
	Cadmi (mg/l)	0,5
	Chì (mg/l)	2,0

- **QCVN 12-3:2011/BYT**- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại.

<b>Thử thôi nhiễm</b>			
<b>Chỉ tiêu kiểm tra</b>	<b>Điều kiện ngâm thôi</b>	<b>Dung dịch ngâm thôi</b>	<b>Giới hạn tối đa</b>
Arsen	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút <sup>[5]</sup>	Nước <sup>[3]</sup>	0,2 µg/ml
	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút	Dung dịch acid citric 0.5% <sup>[4]</sup>	
Cadimi	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút <sup>[5]</sup>	Nước <sup>[3]</sup>	0,1 µg/ml
	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút	Dung dịch acid citric 0.5% <sup>[4]</sup>	
Chì	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút <sup>[5]</sup>	Nước <sup>[3]</sup>	0,4 µg/ml
	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút	Dung dịch acid citric 0.5% <sup>[4]</sup>	
Phenol	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút <sup>[5]</sup>	Nước	5 µg/ml <sup>[8]</sup>
Formaldehyd			Âm tính <sup>[8]</sup>
Cặn khô	25 <sup>0</sup> C trong 1 giờ	Heptan <sup>[1], [6]</sup>	30 µg/ml <sup>[8]</sup>
	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút	Ethanol 20% <sup>[2]</sup>	
	60 <sup>0</sup> C trong 30 phút <sup>[5]</sup>	Nước <sup>[3], [7]</sup>	
		Acid acetic 4% <sup>[4]</sup>	
Epichlorohydrin	25 <sup>0</sup> C trong 2 giờ	Pentan	0,5 µg/ml <sup>[8], [9]</sup>
Vinylchlorid	Không quá 5 <sup>0</sup> C trong 24h	Ethanol 20%	0,05 µg/ml <sup>[8]</sup>

### 3. MẪU NHÃN SẢN PHẨM (DỰ KIẾN) - BÁN LẺ:



- **BÁN SỈ:**

	<b>DỤNG CỤ XAY TIÊU (D45 – 200ml)</b> <i>Pepper Grinder (D45 – 200 ml)</i> <b>Mã sản phẩm: PG2-UAD45</b> <i>Kích thước: Ø50x170mm</i>									
	<table border="0"> <tr> <td>Số lượng : 100 bộ (set)</td> <td>Xuất xứ : Việt Nam</td> </tr> <tr> <td>Thành phần: .....</td> <td>Ngày SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Màu sắc : .....</td> <td>Lô SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Trọng lượng : .....</td> <td>Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.</td> </tr> <tr> <td>Số thùng : .....</td> <td>Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.</td> </tr> </table>	Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam	Thành phần: .....	Ngày SX : .....	Màu sắc : .....	Lô SX : .....	Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.	Số thùng : .....
Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam									
Thành phần: .....	Ngày SX : .....									
Màu sắc : .....	Lô SX : .....									
Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.									
Số thùng : .....	Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.									
<i>Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:</i> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH ĐẠT</b> Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Điện thoại: +(84) 272 3870 873 Fax: +(84) 272 3870 696 Website: www.midatek.com Email: info@midatek.com										

	<b>DỤNG CỤ XAY TIÊU (D45 – 260ml)</b> <i>Pepper Grinder (D45 – 260 ml)</i> <b>Mã sản phẩm: PG1-UAD45</b> <i>Kích thước: 53x53x156mm</i>									
	<table border="0"> <tr> <td>Số lượng : 100 bộ (set)</td> <td>Xuất xứ : Việt Nam</td> </tr> <tr> <td>Thành phần: .....</td> <td>Ngày SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Màu sắc : .....</td> <td>Lô SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Trọng lượng : .....</td> <td>Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.</td> </tr> <tr> <td>Số thùng : .....</td> <td>Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.</td> </tr> </table>	Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam	Thành phần: .....	Ngày SX : .....	Màu sắc : .....	Lô SX : .....	Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.	Số thùng : .....
Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam									
Thành phần: .....	Ngày SX : .....									
Màu sắc : .....	Lô SX : .....									
Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.									
Số thùng : .....	Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.									
<i>Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:</i> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH ĐẠT</b> Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Điện thoại: +(84) 272 3870 873 Fax: +(84) 272 3870 696 Website: www.midatek.com Email: info@midatek.com										

	<b>DỤNG CỤ XAY TIÊU (D45 – 125ml)</b> <i>Pepper Grinder (D45 – 125 ml)</i> <b>Mã sản phẩm: PG3-UAD45</b> <i>Kích thước: Ø49x128mm</i>									
	<table border="0"> <tr> <td>Số lượng : 100 bộ (set)</td> <td>Xuất xứ : Việt Nam</td> </tr> <tr> <td>Thành phần: .....</td> <td>Ngày SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Màu sắc : .....</td> <td>Lô SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Trọng lượng : .....</td> <td>Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.</td> </tr> <tr> <td>Số thùng : .....</td> <td>Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.</td> </tr> </table>	Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam	Thành phần: .....	Ngày SX : .....	Màu sắc : .....	Lô SX : .....	Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.	Số thùng : .....
Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam									
Thành phần: .....	Ngày SX : .....									
Màu sắc : .....	Lô SX : .....									
Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.									
Số thùng : .....	Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.									
<i>Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:</i> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH ĐẠT</b> Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Điện thoại: +(84) 272 3870 873 Fax: +(84) 272 3870 696 Website: www.midatek.com Email: info@midatek.com										

	<b>DỤNG CỤ XAY TIÊU (D38 – 100ml)</b> <i>Pepper Grinder (D38 – 100ml)</i> <b>Mã sản phẩm: PG1-UAD38</b> <i>Kích thước: Ø47x121mm</i>									
	<table border="0"> <tr> <td>Số lượng : 100 bộ (set)</td> <td>Xuất xứ : Việt Nam</td> </tr> <tr> <td>Thành phần: .....</td> <td>Ngày SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Màu sắc : .....</td> <td>Lô SX : .....</td> </tr> <tr> <td>Trọng lượng : .....</td> <td>Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.</td> </tr> <tr> <td>Số thùng : .....</td> <td>Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.</td> </tr> </table>	Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam	Thành phần: .....	Ngày SX : .....	Màu sắc : .....	Lô SX : .....	Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.	Số thùng : .....
Số lượng : 100 bộ (set)	Xuất xứ : Việt Nam									
Thành phần: .....	Ngày SX : .....									
Màu sắc : .....	Lô SX : .....									
Trọng lượng : .....	Công dụng : Dùng để xay, đựng gia vị khô (Tiêu, Muối,...). Không đựng chất lỏng.									
Số thùng : .....	Lưu ý: Chỉ sử dụng cho mục đích cơ bản.									
<i>Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:</i> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH ĐẠT</b> Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam Điện thoại: +(84) 272 3870 873 Fax: +(84) 272 3870 696 Website: www.midatek.com Email: info@midatek.com										

#### 4. HÌNH ẢNH ĐÓNG GÓI

- BÁN LẺ:



- BÁN SỈ:





Softlines &amp; Hardlines



Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE  
Date : December 26, 2025  
Page : 1 of 9

Công Ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN KHUÔN CHÍNH XÁC MINH ĐẠT
Địa Chỉ:	Quốc lộ 1A, Ấp 1, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Người Liên Hệ:	Ms. Dạ Thảo

**DÁNH GIÁ TỔNG THỂ**

ĐẠT	X
KHÔNG ĐẠT	-
SỐ LIỆU	-

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

LẤY MẪU:	Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam không thực hiện lấy mẫu
TÊN MẪU:	DỤNG CỤ XAY TIÊU VÔ CẤP
VẬT LIỆU:	Chất Liệu: - Thân: Nhựa PET - Nắp: gốm
	Lò xo: inox 304
	Chốt dẫn: Nhựa POM (đen)
	Nút chính: Nhựa POM (trắng)
	Cối: Ceramic
XUẤT XỨ:	Thân+miếng chặn: Nhựa ABS
	Nắp đậy: Nhựa PS
XUẤT KHẨU QUA:	VIỆT NAM
TÌNH TRẠNG MẪU:	/
NGÀY NHẬN MẪU:	Mẫu nhận trong tình trạng bình thường
QUÁ TRÌNH PHÂN TÍCH:	22/12/2025
	22/12/2025 – 26/12/2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE  
Date : December 26, 2025  
Page : 2 of 9

**BẢNG KẾT QUẢ**

STT	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT	SỐ LIỆU	
I	<b>QCVN 12-1:2011/BYT-Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</b>				
1	Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd)	X			
2	Xác định hàm lượng tổng thời nhiễm kim loại nặng tính dưới dạng Chì (Pb)	X			
3	Xác định hàm lượng cặn khô	X			
4	Xác định hàm lượng Kali permanganate (KMnO <sub>4</sub> )	X			
5	Xác định hàm lượng Antimon và Germani thời nhiễm	X			
6	Xác định tổng hàm lượng các hợp chất bay hơi (Styrene, Toluene, Ethylbenzene, n-Propylbenzene)	X			
II	<b>QCVN 12-3:2011/BYT-Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</b>				
1	Thử thời nhiễm Asen (As), Cadmium (Cd) và Chì (Pb)	X			
III	<b>QCVN 12-4:2015/BYT/ Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</b>				
1	Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd) thời nhiễm	X			

Ghi chú:

Đạt – Đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Không đạt – Không đạt yêu cầu tiêu chuẩn

Số liệu – Kết quả kiểm nghiệm thực tế

\*\*\*\*\* THÔNG TIN CHI TIẾT, VUI LÒNG XEM TRANG TIẾP THEO \*\*\*\*\*

Báo cáo thử nghiệm này được xác nhận bởi:

Henry Nguyen

Quản lý vận hành phòng thí nghiệm

Kết quả thu được đề cập đến các mẫu, sản phẩm hoặc vật liệu nhận được trong Phòng thí nghiệm, như được mô tả trong mô tả mẫu liên quan ở trên và được thử nghiệm trong các điều kiện thể hiện trong báo cáo hiện tại. Công ty TNHH Eurofins Consumer Product Testing Việt Nam đảm bảo rằng công việc này đã được thực hiện theo Hệ thống Chất lượng của chúng tôi và tuân thủ hợp đồng và các điều kiện pháp lý. Việc sao chép tài liệu này chỉ có hiệu lực nếu nó được thực hiện hoàn toàn và dưới sự cho phép bằng văn bản của Eurofins Consumer Product Laboratory Co., Ltd. Nếu bạn có bất kỳ kiến hoặc khiếu nại nào, vui lòng phản hồi bằng cách gửi email đến [CPTVnCs@cpt.eurofinsasia.com](mailto:CPTVnCs@cpt.eurofinsasia.com) và tham khảo đến số báo cáo này

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

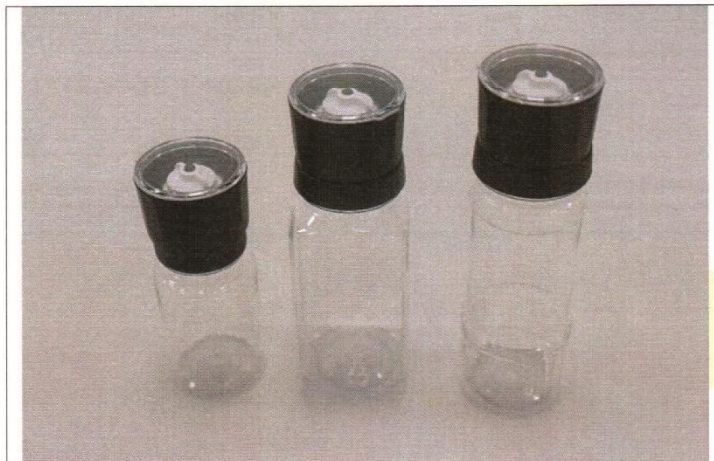
EUR-GR-SL-V3/04.11.2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE  
Date : December 26, 2025  
Page : 3 of 9

**HÌNH ẢNH**



ẢNH  
N  
FI  
DU  
VI  
H

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025

Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE

Date : December 26, 2025

Page : 4 of 9

**DANH SÁCH THÀNH PHẦN:**

Mã số	Màu	Vật liệu	Vị trí
A1	ĐEN	Nhựa ABS	THÂN NẤP/MIẾNG CHẶN
A2	TRONG SUỐT	PET	THÂN
A3	TRẮNG	POM	NÚT CHÍNH
A4	ĐEN	POM	CHÓT DẪN
A5	TRẮNG	Sứ	CÓI XÂY
A6	BẠC	INOX 304	LỖ XO
A7	TRONG SUỐT	PS	NẮP ĐẬY

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 &amp; 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE

Date : December 26, 2025

Page : 5 of 9

## KẾT QUẢ

I. QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

### 1. Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả		
						A1	A2	A3
1	Chì (Pb)	7439-92-1	µg/g	5	100	ND	ND	ND
2	Cadmi (Cd)	7440-43-9	µg/g	5	100	ND	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A4	A7
1	Chì (Pb)	7439-92-1	µg/g	5	100	ND	ND
2	Cadmi (Cd)	7440-43-9	µg/g	5	100	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

Ghi chú:

µg/g = Microgram trên gram

ICP-MS = Inductively Coupled Plasma Mass Spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

### 2. Xác định hàm lượng tổng thời nhiễm kim loại nặng tính dưới dạng Chì (Pb)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bằng phương pháp đo độ đục.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả		
						A1	A2	A3
1	Kim loại nặng quy ra chì (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	1	1	ND	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
						A4	A7
1	Kim loại nặng quy ra chì (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	1	1	ND	ND
Kết luận						ĐẠT	ĐẠT

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên mililiter

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tân Bình Industrial Park, Tây Thanh Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE

Date : December 26, 2025

Page : 6 of 9

### 3. Xác định hàm lượng cặn khô

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bằng phương pháp trọng lượng.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả
					A2
1	Hàm lượng cặn khô chiết được (n-Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ml	10	30	ND
2	Hàm lượng cặn khô chiết được (Cồn Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
3	Hàm lượng cặn khô chiết được (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
4	Hàm lượng cặn khô chiết được (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
<b>Kết luận</b>					<b>ĐẠT</b>

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả
					A7
1	Hàm lượng cặn khô chiết được (n-Heptane, 25°C, 60 phút)	µg/ml	10	240	ND
2	Hàm lượng cặn khô chiết được (Cồn Ethanol 20%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
3	Hàm lượng cặn khô chiết được (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
4	Hàm lượng cặn khô chiết được (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	µg/ml	10	30	ND
<b>Kết luận</b>					<b>ĐẠT</b>

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên milliliter

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

### 4. Xác định hàm lượng Kali permanganate (KMnO<sub>4</sub>)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bằng phương pháp chuẩn độ.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả		
					A1	A2	A3
1	Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	5	10	ND	ND	ND
<b>Kết luận</b>					<b>ĐẠT</b>	<b>ĐẠT</b>	<b>ĐẠT</b>

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả	
					A4	A7
1	Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng (Nước cất, 60°C, 30 phút)	µg/ml	5	10	ND	ND
<b>Kết luận</b>					<b>ĐẠT</b>	<b>ĐẠT</b>

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên milliliter

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE

Date : December 26, 2025

Page : 7 of 9

**5. Xác Định hàm lượng Antimon và Germani thôi nhiễm**

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả
						A2
1	Antimon (Sb) (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7440-36-0	µg/ml	0.05	0.05	ND
2	Germani (Ge) (Acid acetic 4%, 60°C, 30 phút)	7440-56-4	µg/ml	0.1	0.1	ND
<b>Kết luận</b>						<b>ĐẠT</b>

Ghi chú:

µg/ml = Microgram trên mililiter

ICP-MS = Inductively Coupled Plasma Mass Spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

**6. Xác định tổng hàm lượng các hợp chất bay hơi (Styrene, Toluene, Ethylbenzene, n-Propylbenzene)**

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-1: 2011/BYT và được xác định bởi GC-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	CAS No.	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn tối đa	Kết quả
						A7
1	Toluene	108-88-3	mg/g	0.04	-	ND
2	Styrene	100-42-5	mg/g	0.02	-	0.43
3	Ethylbenzene	100-41-4	mg/g	0.02	-	ND
4	Isopropylbenzene	98-82-8	mg/g	0.02	-	ND
5	n-propylbenzene	103-65-1	mg/g	0.02	-	ND
Tổng (Toluene+ Styrene+ Ethylbenzene+ Isopropylbenzene + n-propylbenzene)					5	0.43
Tổng (Styrene+ Ethylbenzene)					1	0.43
<b>Kết luận</b>						<b>ĐẠT</b>

Ghi chú:

mg/g = mi-li-gram trên gram

GC-MS = Gas Chromatography Mass Spectrometry

ND = Không phát hiện (Kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tân Bình Industrial Park, Tây Thanh Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE

Date : December 26, 2025

Page : 8 of 9

II. QCVN 12-3:2011/BYT - Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

1. Thử thời nhiễm Asen (As), Cadmium (Cd) và Chì (Pb)

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-3: 2011/BYT, được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Số CAS	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn cho phép	Kết quả
						A6
1	Arsen (As) (Nước cất, 60°C, 30 phút)	7440-38-2	µg/ml	0.01	0.2	ND
2	Arsen (As) (Acid Citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	7440-38-2	µg/ml	0.01	0.2	ND
3	Cadmi (Cd) (Nước cất, 60°C, 30 phút)	7440-43-9	µg/ml	0.01	0.1	ND
4	Cadmi (Cd) (Acid Citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	7440-43-9	µg/ml	0.01	0.1	ND
5	Chì (Pb) (Nước cất, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	0.01	0.4	ND
6	Chì (Pb) (Acid Citric 0.5%, 60°C, 30 phút)	7439-92-1	µg/ml	0.01	0.4	ND
<b>Kết luận</b>						<b>ĐẠT</b>

Ghi chú:

µg/ml = Microgram cho mỗi mi-li-lít

ICP-MS = inductively coupled plasma mass spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025



Softlines &  
Hardlines

Report No. : EFUZ25122580-CG-01 VIE

Date : December 26, 2025

Page : 9 of 9

III. QCVN 12-4:2015/BYT/ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

1. Xác định hàm lượng Chì (Pb) và Cadmium (Cd) thôi nhiễm

Phương pháp thử nghiệm: QCVN 12-4: 2015/BYT, được xác định bởi ICP-MS.

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Giới hạn phát hiện	Giới hạn cho phép	Kết quả
					A5
1	Cadmium (Cd) (Acid Acetic 4%, 22 ± 2°C, 24 giờ)	mg/L	0.01	0.07	ND
2	Chì (Pb) (Acid Acetic 4%, 22 ± 2°C, 24 giờ)	mg/L	0.1	0.8	ND
<b>Kết luận</b>					<b>ĐẠT</b>

Ghi chú:

mg/L = Microgram trên lít

ICP-MS = Inductively Coupled Plasma Mass Spectroscopy

ND = Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn Giới hạn phát hiện)

LƯU Ý:

Kết quả thử nghiệm được coi là phù hợp với tiêu chuẩn dựa trên sự chấp nhận đơn giản theo quy định chung trong hướng dẫn ISO/IEC 98-4:2012.

\*\*\* HẾT BÁO CÁO \*\*\*



**Eurofins Consumer Product Testing Vietnam Company Limited**

Warehouses No. 3 & 4, CN11 Street, Cluster 3, Group CNI, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: +84 287109 8828

Website: <https://www.eurofins.com/cpt>

EUR-GR-SL-V3/04.11.2025